ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /TTr-UBND	*Tây Ninh, ngày tháng 11 năm 2025*

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH
Dự thảo Nghị quyết ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025, tại điểm g, khoản 9, Điều 30 quy định: *"HĐND cấp tỉnh quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách của ngân sách địa phương"* và Điểm b, Khoản 12, Điều 32 quy định *"UBND cấp tỉnh lập và trình HĐND cùng cấp quyết định các nội dung quy định tại khoản 9 Điều 31 của Luật này"*.

Tại điểm a khoản 1, Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/2/2025 quy định *"HĐND cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp pháp của cơ quan nhà nước cấp trên"*.

Tại điểm d khoản 1, Điều 15 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh trong tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật *"Ban hành nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp mình"*.

2. Cơ sở thực tiễn

Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Long An (trước sắp xếp) được thực hiện theo các Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021[1], Nghị quyết số

[1] ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Long An

10/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023[2], Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 02/7/2024[3] của HĐND tỉnh Long An (trước sắp xếp); trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (trước sắp xếp) thực hiện theo Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021[4]; Nghị quyết số 60/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Tây Ninh (trước sắp xếp)[5];

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, Nghị quyết số 1658/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Tây Ninh năm 2025, Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 (Hội nghị lần thứ 11) của Ban chấp hành Trung ương đảng Khóa XIII; Theo đó từ 01/7/2025, chính quyền địa phương các tỉnh, thành phố, các đơn vị hành chính cấp xã, phường (gọi chung là cấp xã) hình thành sau sắp xếp chính thức hoạt động, đồng thời kết thúc hoạt động của cấp huyện, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh và cấp xã);

Từ những nội dung trên, việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Tây Ninh là cần thiết và đúng quy định của pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành văn bản

- Thiết lập khung pháp lý đầy đủ, đồng bộ, đảm bảo thống nhất, phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan và phù hợp tình hình thực tế của địa phương trong việc triển khai thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; làm cơ sở xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.

- Phân bổ nguồn lực chi thường xuyên, đảm bảo nguồn kinh phí cần thiết để các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và địa phương thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và các chế độ an sinh xã hội theo lĩnh vực, địa bàn theo phân cấp hiện hành với yêu cầu sử dụng ngân sách nhà nước tiết kiệm, hiệu quả.

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả NSNN, phấn đấu giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, góp phần cơ cấu lại ngân sách nhà nước.

---

[2] về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Long An ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Long An

[3] về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Long An đã được sửa đổi bổ sung tại Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh

[4] về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2022-2025

[5] Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2022-2025

- Làm cơ sở để các các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và địa phương xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương, đảm bảo đúng quy định của Luật NSNN.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

- Phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương, đúng phân cấp, trình tự, thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

- Đảm bảo phù hợp về thẩm quyền theo khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025 và điểm g, khoản 9 Điều 30 của Luật NSNN; theo đúng trình tự thủ tục ban hành văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025 và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN phải rõ ràng, đơn giản, đảm bảo công bằng, công khai và minh bạch, dễ thực hiện và kiểm tra.

- Phù hợp yêu cầu thực hiện cơ cấu lại chi NSNN gắn với nhiệm vụ sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới khu vực sự nghiệp công và cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 18-NQ/CP; 19-NQ/CP; 27-NQ/CP của Ban chấp hành Trung ương (khóa XII); khuyến khích tiết kiệm chi thường xuyên để tăng chi đầu tư.

- Tăng quyền hạn, tính chủ động, gắn liền với yêu cầu trách nhiệm trong quản lý NSNN của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

- Ngày 25/6/2025, Quốc hội khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2026.

- Ngày 07/11/2025, Sở Tài chính có Tờ trình số 6501/TTr-STC về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

- Ngày ...., Sở Tài chính có Công văn số /STC-NS về việc lấy ý kiến góp ý và đăng tải trên Trang thông tin điện tử đối với dự thảo Tờ trình, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

- Ngày , Sở Tài chính ban hành Công văn số /STC-NS về việc giải trình ý kiến góp ý và đề nghị thẩm định dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

- Ngày , Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Tờ trình số /TTr-UBND về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các cấp ngân sách trên địa bàn

tỉnh Tây Ninh gửi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất tại Công văn số /HĐND-KTNS ngày

- Quá trình soạn thảo đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định; Sở Tư pháp đã có ý kiến thẩm định tại văn bản số /BC-STP ngày .

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định các ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

b) Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- Các đơn vị sự nghiệp công lập.
- Các tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước.

2. Bố cục của dự thảo Nghị quyết

a) Bố cục của dự thảo Nghị quyết bao gồm 03 Điều.

b) Bố cục của dự thảo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết gồm 04 Chương, 07 Điều, cụ thể:

Chương I: Quy định chung.

+ Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

+ Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Chương II: nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương

- Điều 3. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương.
- Điều 4. Định mức phân bổ dự toán chi hoạt động thường xuyên cho các đơn vị cấp tỉnh.
- Điều 5. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên cho ngân sách cấp xã.

Chương III: Tổ chức thực hiện

- Điều 6. Hiệu lực thi hành
- Điều 7. Tổ chức thực hiện

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Quy định

3.1 Nguyên tắc xây dựng định mức

- Căn cứ Thông báo số 2552/TB-VPQH ngày 16/7/2025 của văn phòng Quốc hội Thông báo kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự thảo Nghị quyết về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước 2026, theo đó tại nội dung 1 quy định "*Ủy ban Thường vụ Quốc hội thống nhất với đề nghị của Chính phủ và kiến nghị của cơ quan thẩm tra trình Quốc hội xem xét, quyết định việc kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022- 2025 sang năm 2026; đồng thời không ban hành Nghị quyết của Ủy ban*

thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước 2026".

Do vậy, dự thảo Nghị quyết Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2026 của các cấp chính quyền địa phương tỉnh Tây Ninh cơ bản giữ ổn định như giai đoạn 2022-2025 trên cơ sở kế thừa định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên giai đoạn 2022-2025 được HĐND tỉnh Tây Ninh (trước sắp xếp), Long An (trước sắp xếp) quyết định, trong đó có sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Dự thảo Nghị quyết áp dụng từ năm ngân sách 2026, trường hợp từ năm ngân sách 2027, căn cứ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2027 do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định sẽ thực hiện điều chỉnh cho phù hợp.

- Trên cơ sở đó, tiếp tục áp dụng tiêu chí dân số trong quá trình xây dựng định mức mới, nhưng có sự điều chỉnh cho phù hợp như sau:

+ Số liệu dân số được lấy theo số liệu của Bộ Công an trong quá trình thực hiện chi quà nhân dịp Quốc khánh 2/9/2025;

+ Tiêu chí dân số phân bổ định mức có điều chỉnh tăng tỷ lệ dân số như sau: xã biên giới có dân số dưới 18.000 người điều chỉnh tăng 40%, xã biên giới có dân số từ 18.000 người trở lên điều chỉnh tăng 30%, xã thường (không phải xã biên giới) có dân số dưới 20.000 người điều chỉnh tăng 20%.

- Bên cạnh đó định mức được phân chia theo địa giới hành chính cấp xã, như sau

+ C**ác xã Biên giới**: căn cứ theo Công văn số 4278/BNG-UBBG ngày 09/7/2025 của Bộ Ngoại giao về số liệu đường biên, mốc giới trên tuyến biên giới Việt Nam- Lào, Việt Nam- Campuchia sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó trên địa bàn tỉnh Tây Ninh có 19 xã biên giới;

+ C**ác xã, phường "Trung tâm**": định nghĩa các xã gọi là xã, phường "Trung tâm", căn cứ xã, phường nào thừa hưởng cơ sở vật chất của trung tâm hành chính huyện, thị xã, thành phố trước khi kết thúc hoạt động, theo đó trên địa bàn tỉnh Tây Ninh có 21 xã, phường trung tâm (trừ 03 xã biên giới nhưng được thừa hưởng cơ sở vật chất của huyện trước khi kết thúc hoạt động);

+ C**ác xã, phường còn lại**: trên địa bàn tỉnh Tây Ninh có 56 xã, phường không thuộc 02 nhóm nêu trên.

Ngoài ra, đối với mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế kết hợp định hướng quy hoạch chung các đô thị, đô thị mở rộng, đô thị mới và các vùng còn lại theo Công văn số 2686/UBND-KTTC ngày 15/8/2025 của UBND tỉnh về việc chỉ đạo triển khai công tác lập quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh, năm 2025-2026.

Căn cứ nguyên tắc nêu trên nội dung cơ bản của dự thảo Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN của các cấp chính quyền địa phương tỉnh Tây Ninh như sau:

A. PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYÊN CHO CÁC ĐƠN VỊ CẤP TỈNH

I. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên đối với đơn vị quản lý hành chính, đảng, đoàn thể

1. Đảm bảo chi con người của cơ quan Đảng, đoàn thể, cơ quan quản lý nhà nước theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao

- Tiền lương, các khoản phụ cấp; các khoản đóng góp theo quy định hiện hành và kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 3% quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp của số biên chế thực tế, không vượt quá số biên chế được giao.

- Đối với số biên chế chưa được tuyển dụng so với biên chế được giao sẽ khoán theo hệ số lương 2,34 và các khoản đóng góp, phụ cấp công vụ, đoàn thể theo chế độ cho mỗi biên chế chưa tuyển dụng được.

2. Định mức phân bổ chi hoạt động tính theo biên chế được giao

Quản lý nhà nước và Đoàn thể: áp dụng định mức theo phương pháp lũy thoái, số biên chế được giao được chia thành các bậc khác nhau, với quy mô của bậc đầu tiên là 15 biên chế trở xuống, định mức phân bổ ngân sách giảm dần theo các bậc biên chế, cụ thể như sau:

(1) Từ 15 biên chế trở xuống: 50 triệu đồng/biên chế/năm;

(2) Từ biên chế thứ 16 đến 30: 45 triệu đồng/biên chế/năm;

(3) Từ biên chế thứ 31 trở lên: 40 triệu đồng/biên chế/năm.

Riêng Văn phòng tỉnh ủy; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội - HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh: 55 triệu đồng/biên chế/năm

Định mức phân bổ trên bao gồm

(i) Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan: Khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; công tác phí, hội nghị CBCC hàng năm; đoàn ra; vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng, điện nước, xăng dầu; vận hành trụ sở cơ quan; chi hỗ trợ hoạt động cho công tác Đảng, đoàn thể trong cơ quan;...

(ii) Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: Chi nghiệp vụ chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực; tập huấn, tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật; hoạt động kiểm tra, giám sát; chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn;....

(iii) Kinh phí bảo trì, sửa chữa thường xuyên đối với trụ sở, xe ô tô phục vụ công tác chung và chức danh, tài sản khác; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo quy định.

3. Ngoài dự toán chi thường xuyên được phân bổ theo biên chế, các cơ quan, đơn vị được phân bổ các kinh phí sau:

- Kinh phí thực hiện khen thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Quỹ tiền thưởng này nằm ngoài quỹ khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, được xác định bằng 10% tổng quỹ tiền lương (không bao gồm phụ cấp) theo chức vụ, chức danh, ngạch, bậc và cấp bậc quân hàm của các đối tượng trong danh sách trả lương của cơ quan, đơn vị. Đồng thời đến hết ngày 31 tháng 01 của năm sau liền kề, nếu

cơ quan, đơn vị không sử dụng hết quỹ tiền thưởng của năm thì không được chuyển nguồn vào quỹ tiền thưởng của năm sau.

- Các khoản chi đặc thù mang tính chất chung của các ngành như: đối ứng chương trình mục tiêu, dự án của Trung ương; chi tổ chức Đại hội cấp tỉnh theo nhiệm kỳ, Hội nghị quốc tế; chi hoạt động của các Ban chỉ đạo; chi thuê trụ sở (nếu có); chi sửa chữa lớn đối với ô tô phục vụ công tác chung và chức danh, tài sản khác; mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ hoạt động chung, máy móc trang thiết bị chuyên dùng theo quy định.

- Kinh phí phục vụ công tác xử phạt vi phạm hành chính; kinh phí phục vụ công tác thu phí, lệ phí; chi công tác phí, hoạt động các đoàn Thanh tra, may sắm trang phục ngành;

- Các khoản chi đặc thù mang tính chất riêng biệt của từng đơn vị và các khoản phát sinh không thường xuyên khác.

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn đặc thù của từng ngành, đơn vị do UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định trong phương án phân bổ NSĐP hàng năm; chi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

- Kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; hỗ trợ người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn, an ninh mạng theo quy định của Chính phủ.

4. Dự toán chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách được xác định theo biên chế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và định mức phân bổ chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể điều chỉnh tăng, giảm theo khả năng ngân sách nhà nước do UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách địa phương hằng năm.

5. Khoán kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng dịch vụ hoặc hợp đồng lao động của nhân viên lái xe và làm công việc thừa hành, phục vụ để thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ nội bộ của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể. Căn cứ mức khoán tối đa tại quy định này và định mức chi thường xuyên được phân bổ hằng năm, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định số lượng hợp đồng làm công việc thừa hành, phục vụ đảm bảo phục vụ nhiệm vụ cơ quan. Cụ thể:

- Khoán kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng dịch vụ hoặc hợp đồng lao động của nhân viên lái xe theo số lượng có mặt thực tế không vượt quá số lượng xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; Quyết định số 20/2021/QĐ-TTg ngày 03/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và quy định việc quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai: 100 triệu đồng/01 hợp đồng/năm.

- Khoán kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng dịch vụ hoặc hợp đồng lao động của nhân viên bảo vệ theo số lượng có mặt thực tế, tối đa không quá 02 hợp đồng/01 trụ sở: 100 triệu đồng/01 hợp đồng/năm. Riêng các cơ quan, đơn vị thực hiện sắp xếp bộ máy theo Đề án được cấp thẩm quyền phê duyệt, trong thời gian

chờ sắp xếp, bàn giao trụ sở cho cơ quan quản lý theo phương án sắp xếp tài sản thì được tiếp tục hợp đồng lao động để bảo vệ tài sản cho đến khi bàn giao.

- Khoán kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng dịch vụ hoặc hợp đồng lao động của nhân viên phục vụ, tạp vụ theo số lượng có mặt thực tế, tối đa không quá 02 hợp đồng/01 trụ sở: 100 triệu đồng/01 hợp đồng/năm.

- Khoán kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng dịch vụ hoặc hợp đồng lao động của nhân viên lễ tân, phục vụ, bảo trì, bảo dưỡng, bảo vệ, vận hành trụ sở, trang thiết bị, máy móc của Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo số lượng có mặt thực tế trong phạm vi đề án vị trí việc làm được phê duyệt: 100 triệu đồng/01 hợp đồng/năm.”

- Khoán kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng dịch vụ hoặc hợp đồng lao động của nhân viên lái xe của Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo số lượng có mặt thực tế không vượt quá số lượng xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; Quyết định số 20/2021/QĐ-TTg ngày 03/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và quy định việc quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai: 120 triệu đồng/01 hợp đồng/năm”.

6. Các hội đặc thù: thực hiện hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các Hội có hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao và các quy định sau đối với các hội đặc thù được giao biên chế (Liên Minh hợp tác xã, Hội Chữ thập đỏ, Liên Hiệp các tổ chức hữu nghị):

- Phân bổ quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp trên cơ sở số biên chế thực tế có mặt (không vượt số lượng biên chế được cấp có thẩm quyền giao) và phân bổ kinh phí nâng bậc lương hằng năm bằng 3% tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp.

- Phân bổ chi hoạt động: 50 triệu đồng/người/năm trên số lượng biên chế thực tế có mặt tại thời điểm xây dựng dự toán (không vượt số lượng biên chế được cấp có thẩm quyền giao).

II. Phân bổ chi sự nghiệp giáo dục

1. Chi con người (bao gồm tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương của cán bộ, công chức, viên chức sự nghiệp giáo dục theo biên chế thực tế thực hiện, không vượt quá biên chế được giao, chiếm tỉ trọng 81%.

- Chi cho hoạt động (chi cho học tập và giảng dạy) chiếm tỷ trọng 19% (chưa kể chi từ nguồn cấp bù học phí).

- Trên cơ sở tổng số chi hoạt động 19% do Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh phân bổ hàng năm, Sở Giáo dục và Đào tạo phân bổ lại cho các cơ sở giáo dục trên cơ sở số lượng cán bộ, viên chức, số lớp, số học sinh tại các cơ sở giáo dục thuộc cấp quản lý để đảm bảo cho hoạt động giảng dạy và học tập.

2. Chi thực hiện các chương trình, đề án theo Nghị quyết của HĐND tỉnh, mức cụ thể do UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định hàng năm phù hợp với khả năng ngân sách.

3. Phân bổ các tiêu chí bổ sung

-Kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 3% tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp;

- Kinh phí đặc thù đối với giáo viên, học sinh trường chuyên;

- Hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật;

- Hỗ trợ kinh phí chi tiền lương, tiên công hợp đồng nhân viên cấp dưỡng Trường nuôi dạy trẻ khuyết tật;

- Hỗ trợ học sinh phổ thông trung học vùng đặc biệt khó khăn, trường phổ thông dân tộc nội trú;

- Hỗ trợ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập.

- Hỗ trợ chi vượt giờ;

- Mua sắm, sửa chữa lớn các cơ sở giáo dục;

- Kinh phí sự nghiệp ngành Giáo dục do tỉnh quản lý theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương;

- Hỗ trợ sinh hoạt phí và học phí cho sinh viên sư phạm;

- Kinh phí thực hiện các chế độ do địa phương quy định.

III. Phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề

1. Trường Chính trị tỉnh và Trường Thể dục Thể thao

- Phân bổ quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp trên cơ sở số lượng người làm việc thực tế thực hiện (không vượt số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao) và phân bổ kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 3% tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp.

- Phân bổ chi hoạt động: 40 triệu đồng/người/năm trên số lượng người thực tế có mặt tại thời điểm xây dựng dự toán (không vượt số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao).

- Riêng đối với Trường Thể dục thể thao ngoài định mức chi theo cơ cấu này, được bố trí thêm chế độ dinh dưỡng đặc thù và tiền công cho vận động viên đội tuyển năng khiếu, huấn luyện viên theo chế độ quy định hiện hành.

2. Phân bổ kinh phí để thực hiện Đề án đào tạo, nâng cao và phát triển nguồn nhân lực, Đề án đào tạo nghề chất lượng cao; kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo các chương trình, đề án của tỉnh theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương và lộ trình của các đề án, nhiệm vụ đã được duyệt.

3. Đối với các đơn vị sự nghiệp đào tạo và dạy nghề khác: thực hiện theo cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và yêu cầu đặt hàng, giao nhiệm của địa phương. Cụ thể:

- Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi đầu tư và chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên. Đơn vị thực hiện báo cáo đầy đủ nguồn thu, nhiệm vụ chi năm hiện hành và dự kiến năm kế hoạch; gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, gửi Sở Tài chính cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

- Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí được để lại chi để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công chưa tính đủ chi phí.

- Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên: ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động chi thường xuyên gồm phân bổ quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp trên cơ sở biên chế, số lượng người làm việc thực tế (không vượt số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao); kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 3% quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp.

- Định mức phân bổ chi hoạt động của các đơn vị được ngân sách hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên tính trên số lượng người làm việc thực hiện thực tế tại thời điểm xây dựng dự toán (không vượt quá số lượng người được cấp có thẩm quyền phê duyệt): định mức 40 triệu đồng/người/năm.”

IV. Phân bổ chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình

1. Hệ dự phòng tuyến tỉnh và hệ điều trị tuyến tỉnh.

Kinh phí phân bổ chi thường xuyên sự nghiệp y tế thực hiện theo lộ trình kết cấu giá dịch vụ khám chữa bệnh và cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi đầu tư và chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên. Đơn vị thực hiện báo cáo đầy đủ nguồn thu, nhiệm vụ chi năm hiện hành và dự kiến năm kế hoạch; gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, gửi Sở Tài chính cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí được để lại chi để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công chưa tính đủ chi phí.

Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên: ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động chi thường xuyên gồm phân bổ quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp trên cơ sở biên chế, số lượng người làm việc thực tế (không vượt số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao); kinh phí nâng bậc lương hằng năm bằng 3% quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp; và phân bổ chi hoạt động theo định mức được duyệt.

Định mức phân bổ chi hoạt động của các đơn vị được ngân sách hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên tính trên số lượng người làm việc thực hiện thực tế tại thời điểm xây dựng dự toán (không vượt quá số lượng người được cấp có thẩm quyền phê duyệt): định mức 40 triệu đồng/người/năm.

2. Hệ dự phòng của Trung tâm Y tế khu vực

Phân bổ quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp trên cơ sở biên chế, số lượng người làm việc thực tế (không vượt số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao) và phân bổ kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 3% quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp;

Định mức phân bổ chi hoạt động tính trên biên chế có mặt tại thời điểm xây dựng dự toán: 38 triệu đồng/người/năm.

3. Phân bổ các tiêu chí bổ sung

- Chi thực hiện các chương trình, đề án theo Nghị quyết của HĐND tỉnh, mức cụ thể do UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định hàng năm phù hợp với khả năng ngân sách.
- Chính sách dân số
- Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi
- Mua sắm, sửa chữa lớn các cơ sở y tế
- Ban bảo vệ sức khỏe
- Thuốc, tâm thần, chăm sóc sức khỏe tâm thần,
- Các hoạt động phòng chống lao, HIV
- Các hoạt động nghiệp vụ y tế dự phòng
- Phân bổ cho ngân sách cấp tỉnh thực hiện mua thẻ và hỗ trợ mua thẻ BHYT cho các đối tượng sau:

+ Trẻ em dưới 6 tuổi;

+ Người thuộc diện gia đình nghèo, người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn, người sinh sống tại vùng có kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn;

+ Người đã hiến bộ phận cơ thể theo quy định của pháp luật;

+ Người thuộc diện hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng theo quy định Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, Nghị định số 76/2024/NĐ-CP; Nghị định số 176/2025/NĐ-CP

+ Hỗ trợ kinh phí mua thẻ BHYT cho học sinh, sinh viên

V. Phân bổ kinh phí quốc phòng

Phân bổ cho ngân sách cấp tỉnh thực hiện công tác liên quan đến lĩnh vực quốc phòng biên giới: 25.000 triệu đồng.

VI. Phân bổ kinh phí an ninh, trật tự, an toàn xã hội

Phân bổ cho ngân sách cấp tỉnh thực hiện công tác đối ngoại, và công tác khác thuộc lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội biên giới: 20.000 triệu đồng.

VII. Phân bổ kinh phí chi sự nghiệp kinh tế

- Kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

- Kinh phí duy tu, sửa chữa đường tuần tra biên giới địa phương quản lý;

- Đối với nhiệm vụ chi quản lý, bảo trì đường bộ từ nguồn thu phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô: Phân bổ bằng mức phân bổ của Trung ương cho địa phương.

VIII. Phân bổ chi các sự nghiệp còn lại

1. Thực hiện theo quy định của nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi đầu tư và chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên. Đơn vị thực hiện báo cáo đầy đủ nguồn thu, nhiệm vụ chi năm hiện hành và dự kiến năm kế hoạch; gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, gửi Sở Tài chính cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí được để lại chi để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công chưa tính đủ chi phí.

Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên: ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động chi thường xuyên gồm phân bổ quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp trên cơ sở biên chế, số lượng người làm việc thực tế (không vượt số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao); kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 3% quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp; và phân bổ chi hoạt động theo định mức được duyệt.

Định mức phân bổ chi hoạt động của các đơn vị được ngân sách hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên tính trên số lượng người làm việc thực tế tại thời điểm xây dựng dự toán (không vượt quá số lượng người được cấp có thẩm quyền phê duyệt): định mức 40 triệu đồng/người/năm.

Ngân sách nhà nước giảm cấp chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp công lập đối với các khoản chi đã được kết cấu vào giá dịch vụ theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ của từng lĩnh vực sự nghiệp công.

2. Kinh phí đặc thù và kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng lao động đối với các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị do ngân sách đảm bảo chi thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

- Kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng dịch vụ hoặc hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ đối với các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị do ngân sách đảm bảo chi thường xuyên được bố trí trong định mức chi thường xuyên và nguồn thu (nếu có) của đơn vị.

- Kinh phí hợp đồng lao động tại các đơn vị đặc thù như: Khu Bảo tồn đất ngập nước Láng Sen, Ban Quản lý Khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng, Đoàn nghệ thuật Cải Lương Vàm Cỏ, Bảo tàng tỉnh, Trung tâm Huấn luyện Thi đấu thể thao, Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật (Đoàn Xiếc), Ban Quản lý Nghĩa trang, Trung tâm Điều dưỡng Người có công, Trung tâm Công tác xã hội, Ban quản lý Vườn quốc gia Lò Gò Xa Mát, Ban quản lý Các khu di tích lịch sử Cách mạng Miền Nam.

+ Quỹ tiền lương, tiền công: gồm tiền lương, tiền công, các khoản đóng góp theo số hợp đồng thực tế có mặt trong chỉ tiêu số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Định mức phân bổ chi hoạt động 20 triệu đồng/người/năm theo số hợp đồng thực tế có mặt trong chỉ tiêu số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ đối với đơn vị do ngân sách đảm bảo chi thường xuyên:

+ Quỹ tiền lương, tiền công: gồm tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo số hợp đồng thực tế, không vượt tổng số hợp đồng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

+ Định mức phân bổ chi hoạt động: 20 triệu đồng/người/năm theo số hợp đồng thực tế có mặt không vượt tổng số hợp đồng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt"

IX. Ngoài dự toán chi thường xuyên được phân bổ theo biên chế, các đơn vị sự nghiệp công lập được chi khen thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

1. Quỹ tiền thưởng này nằm ngoài quỹ khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, được xác định bằng 10% tổng quỹ tiền lương (không bao gồm phụ cấp) theo chức vụ, chức danh, ngạch, bậc và cấp bậc quân hàm của các đối tượng trong danh sách trả lương của cơ quan, đơn vị. Đồng thời đến hết ngày 31 tháng 01 của năm sau liền kề, nếu cơ quan, đơn vị không sử dụng hết quỹ tiền thưởng của năm thì không được chuyển nguồn vào quỹ tiền thưởng của năm sau.

2. Kinh phí thực hiện

- Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng của viên chức, người lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3, nhóm 4 ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chênh lệch thiếu sau khi đã sử dụng hết nguồn cải cách tiền lương theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP. Kinh phí khen thưởng được bố trí trong dự toán hàng năm của đơn vị (nếu có).

- Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng của viên chức, người lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 1, nhóm 2 do đơn vị tự đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ

quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

B. ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CHO NGÂN SÁCH CẤP XÃ

I. Định mức phân bổ sự nghiệp giáo dục

1. Định mức phân bổ theo tỷ trọng chi

- Chi con người (bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương theo quy định hiện hành) theo biên chế có mặt, chiếm tỷ trọng 81%.

- Chi cho hoạt động (chi cho học tập và giảng dạy) chiếm tỷ trọng 19%.

2. Phân bổ theo tiêu chí bổ sung bảo đảm các chế độ, chính sách

- Chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí;

- Chính sách phát triển giáo dục mầm non;

- Hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật;

- Hỗ trợ học sinh phổ thông trung học vùng đặc biệt khó khăn;

- Hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số;

- Hỗ trợ chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp.

- Hỗ trợ ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người;

- Kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 3% tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương.

- Đối với số biên chế chưa được tuyển dụng so với biên chế được giao sẽ khoán theo hệ số lương 2,34 và các khoản đóng góp, phụ cấp ưu đãi 35% theo chế độ cho mỗi biên chế chưa tuyển dụng.

II. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số (không kể dân số từ 1-18 tuổi)

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
+ Xã Biên giới	33.500
+ Xã Trung tâm	32.500
+ Xã còn lại	31.500

Định mức trên bao gồm nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng chính trị theo nhiệm vụ giao hàng năm không bao gồm kinh phí thực hiện các đề án đào tạo nguồn nhân lực được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

III. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
+ Xã Biên giới	3.100
+ Xã Trung tâm	2.800
+ Xã còn lại	2.700

2. Kinh phí trạm y tế xã

- Phân bổ quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp trên cơ sở biên chế, số lượng người làm việc thực tế (không vượt số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao), phân bổ kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 3% quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp và kinh phí biên chế khuyết theo mức 2,34 và các khoản đóng góp trên mỗi biên chế khuyết;

- Định mức phân bổ chi hoạt động: tính trên biên chế được cấp có thẩm quyền giao theo định mức 30 triệu đồng/biên chế/năm.

- Đối với xã có Trạm Y tế xã có trạm xử lý nước thải, được hỗ trợ thêm 1,5 triệu đồng tháng/1 trạm[6].

3. Phân bổ theo tiêu chí bổ sung

- Kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng được NSNN đảm bảo và hỗ trợ cho các đối tượng sau:

(1) Đối tượng cựu chiến binh theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ;

(2) Đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 và Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06/12/2007;

(3) Đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg;

(4) Đối tượng thanh niên xung phong thời kỳ chống Mỹ theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 và thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp theo Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg ngày 18/12/2008;

(5) Đối tượng quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong Quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008.

(6) Đối tượng dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ Quốc tế theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015.

- Kinh phí thực hiện chính sách cộng tác viên dân số

IV. Tiêu chí, định mức phân bổ chi quản lý hành chính

1. Đảm bảo chi con người của cơ quan Đảng, đoàn thể, cơ quan quản lý nhà nước theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao, bao gồm:

---

[6] Kế thừa nhiệm vụ đang thực hiện

- Tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo quy định hiện hành và kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 3% quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp của số biên chế thực tế, không vượt quá số biên chế được giao.

- Đối với số biên chế chưa được tuyển dụng so với biên chế được giao sẽ khoán theo hệ số lương 2,34 và các khoản đóng góp, phụ cấp công vụ, Đảng, đoàn thể theo chế độ cho mỗi biên chế chưa tuyển dụng được.

2. Định mức phân bổ chi hoạt động theo biên chế cán bộ, công chức được cơ quan có thẩm quyền giao, cụ thể:

Đơn vị: đồng/biên chế/năm

Vùng	Định mức phân bổ
+ Xã Biên giới	44.000.000
+ Xã Trung tâm	42.000.000
+ Xã còn lại	40.000.000

Định mức trên bao gồm kinh phí mua sắm, sữa chữa tài sản cố định, nghiệp vụ đặc thù, và thực hiện các nhiệm vụ được giao theo phân cấp, đồng thời đây là căn cứ đảm bảo cho các hoạt động phát sinh trên địa bàn, ngoại trừ một số kinh phí chế độ, chính sách, tiêu chí bổ sung ở phần sau.

3. Đối với Đại biểu HĐND các cấp

- Hoạt động phí của Đại biểu HĐND cấp xã: chiếm tỷ trọng 70% tổng chi cho Đại biểu HĐND cấp xã;

- Chi hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách, chế độ và các điều kiện hoạt động của Đại biểu HĐND cấc cấp: chiếm tỷ trọng 30%

- Kinh phí thực hiện chế độ kiêm nhiệm theo Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngay 07/8/2025 của HĐND tỉnh về việc ban hành quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của HĐND 02 cấp tỉnh Tây Ninh

4. Đối với các Hội đặc thù: thực hiện hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các Hội có hoạt động gắn với nhiệm vụ của Đảng, Nhà nước giao để chi hỗ trợ thù lao theo quy định của cấp có thẩm quyền.

5. Các tiêu chí bổ sung về kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách như: hỗ trợ hoạt động Ban Thanh tra nhân dân của xã phường trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; chi phí hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn cấp xã; kinh phí thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

6. Hỗ trợ kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng dịch vụ hoặc hợp đồng lao động của nhân viên lái xe theo số lượng có mặt thực tế không vượt quá số lượng xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; Quyết định số 20/2021/QĐ-TTg ngày 03/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và quy định việc quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai: 100 triệu đồng/01 hợp đồng/năm.

V. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
+ Xã Biên giới	10.000
+ Xã Trung tâm	9.000
+ Xã còn lại	8.000

Định mức trên đã bao gồm các chế độ, chính sách ưu tiên đối với vùng đồng bào, dân tộc theo các chế độ, chính sách nhà nước đã ban hành

2. Phân bổ theo tiêu chí bổ sung

- Kinh phí quản lý di tích lịch sử- văn hóa

- Hỗ trợ kiêm nhiệm cho người quản lý thiết chế văn hóa, thể thao và kinh phí duy trì, tổ chức hoạt động của Nhà Văn hóa - Khu Thể thao ấp, Nhà Văn hóa liên ấp, Nhà Văn hóa dân tộc trên địa bàn tỉnh;

- Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Nhà thiếu nhi thuộc cấp xã quản lý: 310 triệu đồng/năm/Nhà thiếu nhi

VI. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình

Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
+ Xã Biên giới	14.000
+ Xã Trung tâm	13.000
+ Xã còn lại	12.000

VII. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số chi sự nghiệp thể dục thể thao

Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
+ Xã Biên giới	11.400
+ Xã Trung tâm	10.400
+ Xã còn lại	9.400

VIII. Tiêu chí, định mức phân bổ chi bảo đảm xã hội

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
+ Xã Biên giới	20.200
+ Xã Trung tâm	19.200
+ Xã còn lại	18.200

2. Tiêu chí bổ sung

- Kinh phí thực hiện chế độ chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP; Nghị định số 76/2024/NĐ-CP; Nghị định số 176/2025/NĐ-CP

- Kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã nghỉ việc theo Quyết định số 130-CP ngày 26/6/1975 của Hội đồng Chính phủ, Quyết định số 111-HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng.

- Kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo quy định của pháp luật;

- Kinh phí thực hiện chế độ đối với cộng tác viên công tác xã hội ở xã, phường.

- Kinh phí thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg, và Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

- Kinh phí chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi;

IX. Tiêu chí, định mức phân bổ chi quốc phòng

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
+ Xã Biên giới	16.500
+ Xã Trung tâm	15.500
+ Xã còn lại	14.500

2. Tiêu chí bổ sung

- Đối với xã biên giới có đường biên tiếp giáp với xã nước bạn, phân bổ 1.040 triệu đồng/xã biên giới/năm; nếu tiếp giáp với từ 02 xã nước bạn trở lên thì được phân bổ tăng thêm theo định mức tương ứng.

- Kinh phí thực hiện Luật Dân quân tự vệ.

X. Tiêu chí, định mức phân bổ chi an ninh, trật tự, an toàn xã hội

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ

+ Xã Biên giới	10.500
+ Xã Trung tâm	9.500
+ Xã còn lại	8.500

2. Tiêu chí bổ sung

Đối với xã biên giới có đường biên tiếp giáp với xã nước bạn, phân bổ 740 triệu đồng/xã biên giới/năm; nếu tiếp giáp với từ 02 xã nước bạn trở lên thì được phân bổ tăng thêm theo định mức tương ứng.

XI. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Phân bổ bằng mức phân bổ của Trung ương cho địa phương và phân bổ ở ngân sách các cấp theo nhiệm vụ chi tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 30/9/2025 của HĐND tỉnh và theo khả năng cân đối ngân sách.

XII. Định mức phân bổ chi hoạt động kinh tế

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
+ Xã Biên giới	230.000
+ Xã Trung tâm	220.000
+ Xã còn lại	210.000

2. Phân bổ kinh phí hỗ trợ, bảo vệ và phát triển đất trồng lúa

Kinh phí bảo vệ và phát triển đất trồng lúa: phân bổ bằng số Trung ương bố trí cho ngân sách địa phương và được phân bổ cho ngân sách các cấp ngân sách theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 07/11/2024 của HĐND tỉnh, và hỗ trợ thêm 1,5 triệu đồng/ha/năm đối với đất chuyên trồng lúa tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao[7].

3. Kinh phí đô thị: trên cơ sở kinh phí đô thị của cấp huyện trước kết thúc hoạt động, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, căn cứ định hướng quy hoạch chung các đô thị của các xã, phường gồm: đô thị mở rộng, đô thị mới và các vùng còn lại theo Công văn số 2686/UBND-KTTC ngày 15/8/2025 của UBND tỉnh về việc chỉ đạo triển khai công tác lập quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh, năm 2025-2026, theo đó phân bổ kinh phí để thực hiện các nội dung liên quan công tác lập quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn trên địa bàn tỉnh và các hoạt động về kinh phí đô thị phát sinh trên địa bàn theo phụ lục I đính kèm.

XIII. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường

[7] Điểm c, khoản 1, Điêu 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP

Phân bổ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường của các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Tây Ninh theo quy định của HĐND tỉnh hiện hành[8], trong đó phân bổ cho các xã, phương Nhiệm vụ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường ngân sách cấp xã

XIV. Mức phân bổ chi khác của ngân sách địa phương

Phân bổ theo tỷ trọng (bằng 0,5%) tổng các khoản chi thường xuyên đã tính được theo định mức phân bổ (từ khoản 1 đến khoản 13) của từng cấp ngân sách.

XV. Phân bổ kinh phí thực hiện khen thưởng:

Kinh phí thực hiện khen thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Quỹ tiền thưởng này nằm ngoài quỹ khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, được xác định bằng 10% tổng quỹ tiền lương (không bao gồm phụ cấp) theo chức vụ, chức danh, ngạch, bậc và cấp bậc quân hàm của các đối tượng trong danh sách trả lương của cơ quan, đơn vị. Đồng thời đến hết ngày 31 tháng 01 của năm sau liền kề, nếu cơ quan, đơn vị không sử dụng hết quỹ tiền thưởng của năm thì không được chuyển nguồn vào quỹ tiền thưởng của năm sau.

XVI. Dự phòng ngân sách từng cấp

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, các xã, phường được phân bổ dự phòng ngân sách theo một tỷ lệ thống nhất đảm bảo theo quy định của Luật NSNN (2-5% tổng cân đối ngân sách từng cấp, mức cụ thể do HĐND tỉnh quyết định từng năm).

(Đính kèm dự thảo Nghị quyết, Quy định)

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH: Không.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

Nguồn lực triển khai khi thực hiện Nghị quyết, gồm: Nguồn ngân sách nhà nước; Nguồn thu phí được để lại theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí; Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp, dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công lập; Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh khóa X, kỳ họp thứ … năm 2025 xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- Các vị đại biểu QH tỉnh Long An;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

---

[8] Hiện tại, Sở NN&MT được giao nhiệm vụ tham mưu UBND trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định việc phân định các nhiệm vụ chi và một số mức chi về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

- Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng ĐĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Phòng TH KSTTHC, KTTC, VH-XH;
- Ban NC-TCD;
- Lưu: VT, …..